

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2019/HS-PT

Ngày: 17/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Uyên Thy

2. Ông Phan Nguyên Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 95/2019/HSPT ngày 19/02/2019 đối với bị cáo Đỗ Hoàng L, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1563/2019/QĐXXPT-HS ngày 03/4/2019, do có cáo của bị cáo L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đối với bản án sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, có liên quan đến kháng nghị:

Họ và tên: **Đỗ Hoàng L**; tên gọi khác: M; sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 108 Lô A, cc PTH, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú; (không nơi ở nhất định); nghề nghiệp: (không); trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hoàng D (chết) và bà Phạm Thị Ngọc Du; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 31/5/2018, bị Tòa án quận Thủ Đức xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 134/2018/HSST ngày 31/5/2018); chấp hành xong hình phạt vào ngày 19/11/2018;

Bắt, tạm giam: 19/11/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc B.**

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

Người bị hại: Anh **Ngô Hữu P**; sinh năm 1989; nơi cư trú: 41/25 đường số 35, KP7, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc B, Đỗ Hoàng L, Đen (không rõ lai lịch) và Duy (chưa rõ lai lịch) là những người có quen biết với nhau. Vào khoảng 2 giờ 00 phút ngày 06/11/2017, từ nhà của B, Đen dùng xe máy chở B và L đến nơi ở của Duy tại Phòng trọ số 3, Khu nhà trọ số 97/19/12, Quốc lộ 1A, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi. Khi đến nơi, Đen đứng ở đầu hẻm, còn B và L đi vào đến phòng trọ của Duy thì thấy cửa phòng bị khóa phía trong. B và L mở cửa sổ nhìn vào thì thấy Duy, Nhi và anh Ngô Hữu Phúc đang nằm ngủ trong phòng trọ, trên nền phòng trọ có 1 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 và 1 chiếc điện thoại hiệu Mobell đang sạc pin (2 chiếc điện thoại này thuộc quyền sở hữu của anh Phúc). B và L lấy trộm 2 chiếc điện thoại đã nêu, L đồng ý. L thò tay qua cửa sổ để lấy điện thoại nhưng không lấy được vì không với tới. Do vậy, B và L lấy một cái chổi ở gần phòng trọ, sử dụng làm công cụ khều móc và lấy được 2 chiếc điện thoại. Sau khi lấy trộm 2 chiếc điện thoại, B và L kêu Đen chở về. Khi đến gần nhà của B thì B và L nói cho Đen biết việc trộm cắp điện thoại. Sơ bị liên lụy nên Đen bỏ đi.

Đến 8 giờ 20 phút ngày 07/11/2017, B, L và Đen đến cửa hàng Trung Dũng (ở địa chỉ Ô 5, đường 17, khu dân cư Việt Sinh, Khu phố 4, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương), thuê bẻ khóa chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7, rồi mang bán chiếc điện thoại vừa nêu cho tiệm cầm đồ “Đức Thiện” (ở số 46A, lô DC09, khu dân cư Việt Sinh, Khu phố 4, phường An Phú) với giá 2.500.000đ, lấy tiền chia nhau (B và L mỗi người được chia 1.000.000đ, Đen

được chia 500.000đ). Còn chiếc điện thoại Mobell thì B giữ lại sử dụng cho cá nhân; sau đó, B làm mất.

Vào ngày 17/01/2018, Công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức bắt quả tang Đoàn Minh Hiếu tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà 34/2B đường Bình Chiểu, Khu phố 3, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức. Trong quá trình điều tra, Hiếu có khai rằng vào ngày 13/10/2017, Hiếu và L thực hiện vụ trộm xe máy ở trước nhà số G45, đường D, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức. Do vậy, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án trộm cắp tài sản vừa nêu, khởi tố bị can và bắt tạm giam L vào ngày 19/01/2018. Trong quá trình điều tra, L khai ra vụ trộm cắp tài sản của anh Phúc.

Theo biên bản định giá tài sản số 29/UBND-TCKH ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức thì chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 có trị giá 4.000.000đ, còn chiếc điện thoại hiệu Mobell có trị giá 1.000.000đ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan công an đã thu hồi được chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 và giao trả lại cho anh Phúc. Còn chiếc điện thoại Mobell thì không thu hồi được nhưng anh Phúc không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại này.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSTĐ ngày 20/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã sửa đổi bổ sung năm 2019 (Bộ luật hình sự năm 1999).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố Đỗ Hoàng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Đỗ Hoàng L 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt Nguyễn Quốc B 9 tháng tù, tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 25/01/2019, bị cáo L có đơn kháng cáo với nội dung: Mức hình phạt mà Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng; đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 28/01/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSTĐ với nội dung: Vào ngày 31/5/2018, bị cáo L có bị Tòa án nhân dân

quận Thủ Đức xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 134/2018/HSST. Lần phạm tội của bị cáo L xảy ra vào ngày 06/11/2017 (trước ngày có bản án vừa nêu). Do vậy, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” và áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là không đúng quy định; xử phạt bị cáo 1 năm tù là nặng so với tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân cũng như hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo và giảm hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp như đã nêu và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức và kháng cáo của bị cáo là có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 2 giờ 00 phút ngày 06/11/2017, ở tại Phòng trọ số 3, khu nhà trọ 97/19/12, Quốc lộ 1A, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đỗ Hoàng L và Nguyễn Quốc B đã có hành vi trộm cắp 2 chiếc điện thoại có trị giá 5.000.000đ của anh Ngô Hữu Phúc.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự công

cộng. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là đúng pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 thì *“tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc tội phạm rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý”*.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội vào ngày 06/11/2017, là thời điểm chưa có bản án số 134/2018/HSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối chiếu với quy định của pháp luật đã viện dẫn thì hành vi phạm tội của bị cáo L không thuộc trường hợp *“tái phạm”*. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp *“tái phạm”* và áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L là không đúng pháp luật. Từ sai sót đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 1 năm tù là có phần nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

Vì các lý do đã nêu, cần chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; sửa bản án sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

[4]. Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Về các nội dung khác:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Bộ luật hình sự năm 2015 “Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì “Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử”.

Như vậy, mặc dù khái niệm “bị cáo” thuộc nội hàm của khái niệm “người bị buộc tội”. Nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì kể từ khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì người bị buộc tội phải được xác định là “bị cáo”.

Tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định rằng trong bản án sơ thẩm phải ghi rõ “họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, dân tộc, tiền án, tiền sự của bị

cáo”. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cũng đã ban hành Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 kèm theo mẫu bản án (Mẫu số 27-HS) để hướng dẫn thực hiện quy định vừa nêu.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã được viện dẫn và phân tích, thì trong phần đầu của bản án sơ thẩm phải ghi và xác định Đỗ Hoàng L là “bị cáo” mới đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi và xác định Đỗ Hoàng L là “người bị buộc tội”. Việc xác định tư cách của Đỗ Hoàng L như vừa nêu là không chính xác, mâu thuẫn với chính Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2018/QĐXXST-HS ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (tại quyết định này, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức cũng đã xác định L là bị cáo).

Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm (bl.183) lập không đúng quy định, không đúng theo mẫu biên bản nghị án ban hành kèm theo Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thậm chí còn không ghi Quốc hiệu.

Mặc dù những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm như đã nêu là không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất vụ án nhưng làm giảm tính tôn nghiêm và tính thống nhất trong việc ban hành các văn bản của Tòa án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Hoàng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng L 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND quận Thủ Đức; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự: (1)
- Chi Cục THADS quận Thủ Đức; (1)
- TAND quận Thủ Đức; (2)
- Công an quận Thủ Đức; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân